



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG

ĐỊA CHỈ: KM 1447 QL1A – X. VINH PHƯƠNG

– TP. NHA TRANG – T. KHÁNH HÒA

ĐT : 058.3727241 – Email : kttc@detnhatrang.com.vn

Website: www.detnhatrang.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2015



Nha Trang, ngày 27 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015**

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		463,348,494,541	348,830,655,114
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		6,425,976,135	2,584,095,899
1. Tiền	111	V.1	4,525,976,135	2,084,095,899
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,900,000,000	500,000,000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		10,000,000,000	16,442,240,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	10,000,000,000	20,245,333,720
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.2	-	(3,803,093,720)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		213,919,938,009	110,178,209,908
1. Phải thu khách hàng	131	V.3.1	143,523,691,548	72,591,752,066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	68,291,798,000	36,939,023,559
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5.1	4,131,432,498	2,794,442,607
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.3	(2,026,984,037)	(2,147,008,324)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140		227,649,402,061	217,655,681,156
1. Hàng tồn kho	141	V.6	227,649,402,061	217,655,681,156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		5,353,178,336	1,970,428,151
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	5,161,236,560	1,790,187,141
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	191,941,776	179,985,899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.1	-	255,111
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN <i>(tiếp theo)</i>	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241,855,397,304	261,310,604,387
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		87,318,782,757	112,452,342,014
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	87,140,084,934	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	178,697,823	112,452,342,014
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		141,206,647,212	141,388,422,200
1. TSCĐ hữu hình	221	V.20.1	136,279,927,066	136,184,574,036
- Nguyên giá	222		549,914,790,766	565,855,404,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(413,634,863,700)	(429,670,830,345)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.20.2	4,926,720,146	5,203,848,164
- Nguyên giá	225		5,542,560,188	5,542,560,188
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(615,840,042)	(338,712,024)
3. TSCĐ vô hình	227			-
- Nguyên giá	228			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			-
III. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240		11,270,339,625	1,547,640,901
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	11,270,339,625	1,547,640,901
IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		1,166,915,000	3,166,915,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	1,166,915,000	1,166,915,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.4		2,000,000,000
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		892,712,710	2,755,284,272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	677,165,709	2,617,334,206
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.9	215,547,001	137,950,066
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
VI. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		705,203,891,845	610,141,259,501

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		465,193,320,692	378,696,944,964
I. NỢ NGẮN HẠN	310		440,353,908,663	370,549,611,623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	74,457,572,322	58,634,505,661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	81,762,986	39,723,206
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.2, V.11.3	6,328,904,635	5,738,362,384
4. Phải trả người lao động	314		24,006,030,826	25,455,798,930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		789,746,659	3,009,602,050
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	22,597,849,990	3,318,778,259
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	309,963,471,399	273,172,398,263
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17		-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2,128,569,846	1,180,442,870
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. NỢ DÀI HẠN	330		24,839,412,029	8,147,333,341
1. Phải trả người bán dài hạn	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	24,839,412,029	8,147,333,341
9. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-

Y C.
MAY
HAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

NGUỒN VỐN (tiếp theo)	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	239,371,915,311	230,478,172,267
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		239,371,915,311	230,478,172,267
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185,000,000,000	185,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185,000,000,000	185,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,030,000,000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			(11,015,000,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22,015,663,659	22,015,663,659
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30,326,251,652	34,477,508,608
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,436,089,541	16,770,147,913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27,890,162,111	17,707,360,695
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	430			
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429	V.18	638,655,842	966,142,270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		705,203,891,845	610,141,259,501

Nha Trang, ngày 27 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
				Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	315,407,180,219	325,548,719,854	968,985,329,975	974,163,038,744
2.	Các khoản giảm trừ	02	VI.2	-	22,852,800	31,323,505	22,852,800
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		315,407,180,219	325,525,867,054	968,953,706,470	974,140,185,944
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	295,817,953,159	302,887,706,783	899,338,550,213	903,471,458,750
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19,589,227,060	22,638,160,271	69,615,056,257	70,668,727,194
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3,777,698,613	1,301,938,666	5,833,002,090	6,663,832,345
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	5,433,533,685	5,388,882,589	14,378,201,329	23,833,083,889
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,822,823,363	4,860,204,923	10,928,364,988	22,013,354,268
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.6	2,288,640,972	2,218,315,616	7,112,552,238	6,507,933,220
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	7,103,504,918	8,411,290,791	22,227,075,525	25,874,011,118
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,541,246,098	7,921,609,941	31,730,229,225	21,057,531,312
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	1,001	421,173,834	2,579,093,995	495,775,482
12.	Chi phí khác	32	VI.9	28,198	3,057,479	66,665,091	11,532,465
13.	Lợi nhuận khác	40		(27,197)	418,116,355	2,512,428,904	484,243,017
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50		8,541,218,901	8,339,726,296	34,242,658,129	21,541,774,329
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,757,825,544	1,658,122,410	6,757,579,381	4,149,382,183
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(25,855,639)	(25,865,639)	(77,596,935)	(77,596,935)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,809,258,996	6,707,469,525	27,562,675,683	17,469,989,081
19.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	61		(83,497,821)	(71,979,475)	(327,486,428)	(237,371,614)
20.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	82		6,892,756,817	6,779,449,000	27,890,162,111	17,707,360,695
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		373	387	1,540	1,012
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Hồ Đặng Như Duyên



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 3-2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ 3 NĂM 2015	QUÝ 3 NĂM 2014	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
					NĂM 2015	NĂM 2014
<u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		333,089,410,585	484,539,187,891	958,237,999,475	1,038,101,865,829
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(243,109,345,262)	(369,308,106,477)	(769,898,143,326)	(856,146,690,179)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(80,809,664,248)	14,930,355,529	(125,636,908,233)	(89,251,501,078)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3,873,487,010)	(3,786,770,017)	(10,761,357,902)	(20,987,261,782)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,593,353,974)	(1,865,070,916)	(7,455,557,223)	(3,889,935,296)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		720,689,642	19,972,975,831	14,960,883,682	20,005,995,831
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		13,355,126,617	(51,236,385,865)	(35,313,954,627)	(53,497,153,865)
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>	20		16,779,396,352	93,246,185,976	24,132,961,846	34,335,316,457
<u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(127,404,159)	(3,053,026,110)	(7,356,210,552)	(6,439,667,716)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	19,495,086,959	362,913,047	206,987,985,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	-	(5,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(4,700,000,000)	2,000,000,000	1,600,000,000
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	10,858,414,400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		43,053,575	593,381,614	1,510,061,342	2,237,400,319
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>	30		(84,350,584)	12,335,442,463	(3,483,236,163)	210,144,132,546

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MÃ Thuyết SỐ minh	QUÝ 3 NĂM 2015	QUÝ 3 NĂM 2014	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM 2015	NĂM 2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	13,045,000,000	-
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	183,187,069,987	281,371,305,506	674,513,474,942	794,681,462,163
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(196,870,062,408)	(351,233,677,751)	(692,176,820,392)	(573,296,053,607)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(772,499,997)	(257,499,999)	(772,499,997)	(2,432,566,451)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	(11,417,000,000)	(28,000,000,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40	(14,455,492,418)	(70,119,872,244)	(16,807,845,447)	(209,047,157,895)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50	2,239,553,350	35,461,756,195	3,841,880,236	35,432,291,108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,339,886,249	3,496,444,884	2,584,095,899	3,525,909,971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(153,463,464)	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 VII.34	6,425,976,135	38,958,201,079	6,425,976,135	38,958,201,079

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 27 tháng 10 năm 2015

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty/Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giấy dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giấy dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là: 3.282 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 3.439 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các đơn vị trực thuộc Công ty

► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh

► Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

► Cửa hàng Centex

Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con

► Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")

Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức và Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201220884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34 tỷ đồng, trong đó Công ty đăng ký góp 20 tỷ đồng (tương đương 58,82% vốn điều lệ) và hai cổ đông sáng lập còn lại đăng ký góp 14 tỷ đồng (tương đương 41,18% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm	25/04/2013
Ông Lê Ngọc Hoan	Ủy viên	Bổ nhiệm	25/04/2013
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm	25/04/2013
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm	25/04/2013
Bà Nguyễn Thị Liên	Ủy viên	Bổ nhiệm	15/07/2013

3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Không so sánh được vì từ 01/01/2015 Tập đoàn thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 1);

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1 447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 5).

* Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là nhật ký chung.

3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

4 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ : Km1417 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 20	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10	năm

6 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị và được khấu hao trong thời gian 15 năm.

7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn chi phí đi vay được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

12 Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15 Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu do Công ty phát hành được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi phần bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL 1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2015	01/01/2015
- Tiền mặt	209,977,445	270,841,846
- Tiền gửi ngân hàng	4,315,998,689	1,813,254,053
- Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	1,900,000,000	500,000,000
cộng	6,425,976,135	2,584,095,899

Trong đó,

Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2015	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	26,330	562,944,382
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2.86	78,450.00

Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 30/09/2015	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	69,948	1,124,964,444
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2.86	78,450.00

2.1 Chứng khoán kinh doanh	30/09/2015	01/01/2015
- Các khoản đầu tư khác	10,000,000,000	20,245,333,720
Ngân hàng TMCP xnk Việt nam Eximbark		10,245,333,720
Công ty ĐT & PT nhà Nha Trang (HUD)	10,000,000,000	10,000,000,000
cộng	10,000,000,000	20,245,333,720

2.2 Trích lập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn khác:	30/09/2015	01/01/2015
- Đầu tư ngắn hạn khác		3,803,093,720
Ngân hàng TMCP XNK Việt nam Eximbank		3,803,093,720
cộng		3,803,093,720

2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/09/2015	01/01/2015
- Cổ phiếu Tổng công ty cp Bông tây nguyên (2.688)	266,915,000	266,915,000
- Công ty CP xúc tiến thương mại và ĐT Phong Phú (90.000cp*10.000đ/cp)	900,000,000	900,000,000
Cộng	1,166,915,000	1,166,915,000

2.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/09/2015	01/01/2015
- Tiền gửi kỳ hạn 13 tháng - Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam		2,000,000,000
Cộng		2,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/09/2015	01/01/2015
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	104,762,483,336	38,036,290,303
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	864,902,256	864,902,256
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	672,145,758	1,021,344,245
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30,000,000	30,000,000
- Công ty CP Dệt May Bình Minh	612,601,285	
- Sanmar Corporation	18,909,881,052	26,315,220,659
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	15,907,327,600	-
- Orchid Apparel LLC	33,486,420	3,322,304,478
- Các khách hàng khác	1,730,863,841	3,001,690,125
cộng	143,523,691,548	72,591,752,066

* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là: 843.802,56 USD - tương đương 18.943.367.472 VND

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng	30/09/2015	01/01/2015
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	87,140,084,934	-
cộng	87,140,084,934	

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/09/2015	01/01/2015
Trung tâm công nghệ môi trường	3,295,050,000	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú	35,000,000,000	35,000,000,000
Công ty TNHH TMDV&XD Phúc Minh	2,683,388,000	
Công ty TNHH XD Minh Việt	16,556,232,952	784,607,446
Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Nam Khánh Hòa	3,207,600,000	
Công ty TNHH Thanh Hà	2,310,858,090	358,824,393
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	2,196,700,000	
Các nhà cung cấp khác	3,041,968,958	795,591,720
cộng	68,291,798,000	36,939,023,559

5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2015	01/01/2015
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	831,554,980	401,912,980
- Thu tiền chuyển nhượng cổ phần Lê Trung Hải		179,714,987
- Tiền lãi phải thu - CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	2,919,583,333	
- Nộp trước tiền bảo hiểm xã hội tháng 12/2014		1,595,148,239
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	13,100,000	
- Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	241,893,944	288,712,124
- Phải thu khác	125,300,241	328,954,277
cộng	4,131,432,498	2,794,442,607

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****5.2 Các khoản phải thu dài hạn khác**

	30/09/2015	01/01/2015
- Tiền ứng trước thuê tài sản - Tổng công ty CP Phong Phú	-	112,273,644,191
- Ký quỹ thuê tài chính dài hạn	178,697,823	178,697,823
cộng	178,697,823	112,452,342,014

5.3 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2015	01/01/2015
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787,538,760	787,538,760
Công ty CP bông miền bắc	30,000,000	30,000,000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35,875,532	35,875,532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39,314,957	39,314,957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209,661,832	209,661,832
Công ty CP Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	864,902,256	864,902,256
Ông Lê Trung Hải		179,714,987
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6,177,999	
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7,189,618	
Công ty CP Quốc tế Phong Phú	25,907,073	
Công ty CP May Khánh Hòa	17,229,330	
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	2,000,000	
Công ty TNHH MTV Vải Phụ liệu & Thiết bị May Thái Bình	1,186,680	
cộng	2,026,984,037	2,147,008,324

*** Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

Số dư tại 01/01	2,177,008,324	2,187,293,337
Trích lập dự phòng bổ sung	59,690,700	-
Hoàn nhập dự phòng	(30,000,000)	(40,285,013)
Xóa nợ phải thu	(179,714,987)	-
Số dư cuối kỳ	2,026,984,037	2,147,008,324

6. Hàng tồn kho

	30/09/2015	01/01/2015
- Hàng mua đang đi trên đường	16,807,942,733	445,741,005
- Nguyên liệu, vật liệu	80,099,450,433	87,778,909,503
- Công cụ dụng cụ	5,920,950	2,940,950
- Chi phí SXKD dở dang	43,801,948,406	56,327,073,924
- Thành phẩm	85,425,638,810	71,382,907,568
- Hàng hoá	1,508,500,730	1,718,108,206
cộng	227,649,402,061	217,655,681,156

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	30/09/2015	01/01/2015
7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí đồng phục		913,611,675
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	245,812,936	
- Chi phí phụ tùng	1,290,333,402	
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2,584,218,441	94,344,407
- Chi phí sửa chữa	976,444,654	656,023,517
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	64,427,127	126,207,542
Cộng	5,161,236,560	1,790,187,141
7.2 Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn của Phụ tùng	-	1,433,388,091
- Chi phí trả trước dài hạn khác	677,165,709	1,180,946,115
Cộng	677,165,709	2,617,334,206
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm tài sản cố định	131,000,000	
+ Mua xe đưa đón công nhân	131,000,000	
- Xây dựng cơ bản dở dang	11,139,339,625	331,233,455
+ Dự án đầu tư hệ thống điều không NM Sợi 1&2		60,000,000
+ Dự án sắp xếp lại thiết bị NM Sợi 3		203,688,000
+ Phương án sửa chữa nâng cấp đường nội bộ		12,727,273
+ Dự án nhà máy sản xuất vải dệt kim	9,405,159,609	
+ Dự án quy hoạch Nhà máy May 2&May 4 theo Lean	1,734,180,016	54,818,182
- Sửa chữa lớn TSCĐ		1,216,407,446
Trong đó, PA nâng cấp máy chải thô (NMS2)		48,606,000
+ PA cải tạo máy chải (NMS2)		389,877,890
+ PA cải tạo máy ống Shalafhorst (NMS2)		777,923,556
Cộng	11,270,339,625	1,547,640,901
9. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	22,968,656	14,699,939
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	192,578,346	123,250,127
Cộng	215,547,001	137,950,066

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

10. Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	41,317,895,520	3,351,281,551
Công ty Cổ phần Phước Lộc		1,420,540,000
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	6,585,742,708	2,701,905,585
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	503,192,130	
Công ty TNHH Sao Mai Anh	489,324,000	2,424,318,226
Các nhà cung cấp khác	25,551,417,964	48,736,460,299
Cộng	74,457,572,322	58,634,505,661

* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là: 192,73 USD - tương đương

11.1. Thuế và các khoản thuế phải thu nhà nước	30/09/2015	01/01/2015
- Thuế GTGT được khấu trừ	191,941,776	179,985,899
- Thuế TNCN nộp thừa	-	255,111
cộng	191,941,776	180,241,010

11.2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/09/2015	01/01/2015
- Thuế GTGT	4,045,384,627	3,089,210,135
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,851,038,273	2,549,016,115
- Thuế thu nhập cá nhân	97,292,436	100,136,134
- Tiền thuế đất	335,209,299	-
Cộng	6,328,904,635	5,738,362,384

5/3/0
ĐƠN
DỆ
NH
6/7/0

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****11.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế phải nộp Nhà nước	5,738,362,384	26,605,520,872	26,014,978,621	6,328,904,635
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	3,089,210,135	17,075,110,309	16,118,955,817	4,045,364,627
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	582,923,099	582,923,099	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	173,143,735	173,143,735	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2,549,016,115	6,757,579,381	7,455,557,223	1,851,038,273
- Thuế tài nguyên	-	49,320,000	49,320,000	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	1,089,530,399	754,321,100	335,209,299
- Thuế môn bài	-	8,000,000	8,000,000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	100,136,134	869,913,949	872,757,647	97,292,436
- Các loại thuế khác	-	-	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

12. Người mua trả tiền trước	30/09/2015	01/01/2015
Các khách hàng khác	81,762,986	39,723,206
Cộng	81,762,986	39,723,206
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/09/2015	01/01/2015
- Chi phí trích trước kiểm toán	60,000,000	60,000,000
- Trích trước tiền điện tháng 3	363,863,397	2,299,429,406
- Trích trước chi phí tư vấn	90,000,000	90,000,000
- Trích trước chi phí hoa hồng	5,632,549	
- Trích trước chi phí lãi vay	270,250,713	546,672,644
- Trích trước chi phí khác		13,500,000
Cộng	789,746,659	3,009,602,050
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30/09/2015	01/01/2015
- Vay ngắn hạn	309,210,751,400	267,020,644,920
- Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	185,913,332,461	164,917,715,590
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	146,890,093,075	66,541,142,074
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	39,023,239,386	98,376,573,516
- Công ty tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam		11,653,315,674
+ Công ty tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam - VND		11,653,315,674
- Ngân hàng TMCP An Bình - Khánh Hòa		2,403,106,722
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND		2,403,106,722
- Ngân hàng - TMCP quân đội - Khánh Hòa	29,981,161,892	41,910,132,225
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	29,981,161,892	41,910,132,225
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD		
- Ngân hàng - BIDV - Khánh Hòa	89,202,550,947	46,136,374,709
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	89,202,550,947	46,136,374,709
- Ngân hàng - HSBC Việt Nam	4,113,706,100	-
+ HSBC Việt Nam - VND		
+ HSBC Việt Nam - USD	4,113,706,100	
- Vay dài hạn đến hạn trả	752,719,999	6,151,753,343
- Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	495,220,000	2,623,360,000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	740,000,000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	-	1,883,360,000
* Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án 04 máy ghép -NMS3 (VCB)	270,120,000	2,623,360,000
+ Dự án 05 máy DK tròn + 15 máy DK phẳng (TCDM)	225,100,000	-
+ 6 máy dệt kim và 1 máy nhuộm		-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	30/09/2015	01/01/2015
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)		
- Ngân hàng TMCP An Bình - Khánh Hòa	-	1,293,750,000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	1,293,750,000
* Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ 03 máy ống tự động (ABB)	-	1,293,750,000
- Ngân hàng - BIDV - Khánh Hòa	-	1,204,643,347
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	1,204,643,347
* Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án Nhà máy May 4	-	1,204,643,347
- Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	257,499,999	1,029,999,996
+ VCB leasing - VND	257,499,999	1,029,999,996
* Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	257,499,999	1,029,999,996
Cộng	309,963,471,399	273,172,398,263
14.2 Các khoản vay và nợ dài hạn	31/03/2015	01/01/2015
+ Vay ngân hàng	22,693,578,688	6,001,500,000
- Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm (VCB)	2,260,000,000	2,260,000,000
- Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không (VCB)	3,814,000,000	
- Dự án 04 máy ghép (VCB)	1,350,600,000	1,282,800,000
- Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng (VCB)	2,588,650,000	2,458,700,000
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim (VCB)	10,652,750,000	
- Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean (BIDV)	2,027,578,688	
+ Nợ dài hạn	2,145,833,341	2,145,833,341
- Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm (CTTC.VCB)	2,145,833,341	2,145,833,341
Cộng	24,839,412,029	8,147,333,341
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn	1,006,423,953	1,282,191,073
- Bảo hiểm xã hội	1,562,404,276	
- Bảo hiểm Y tế	1,006,838,422	949,170,932
- Bảo hiểm thất nghiệp	350,359,070	304,796,793
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18,671,824,269	762,619,461
Trong đó:		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	172,050,000	129,266,000
- Các khoản phải trả - Cổ tức năm 2014 (PhongPhuCorp,.)	18,183,000,000	
- Các khoản phải trả - khác	316,774,269	653,353,461
Cộng	22,597,849,990	3,318,778,259

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	30/09/2015	01/01/2015
16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số dư tại 01/01	1,180,442,870	1,425,441,637
Trích từ lợi nhuận sau thuế	2,163,419,067	2,107,653,725
Tăng khác	43,843,000	32,350,500
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1,259,135,091)	(1,311,779,674)
Số dư cuối kỳ	2,128,569,846	2,253,666,188
16.1 - Quỹ khen thưởng	30/09/2015	01/01/2015
Số dư tại 01/01	111,745,274	327,178,223
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1,081,709,533	1,007,653,725
Tăng khác	11,370,000	7,070,000
Chi khen thưởng	(262,000,000)	(302,106,674)
Số dư cuối kỳ	942,824,807	1,039,795,274
16.2- Quỹ phúc lợi	30/09/2015	01/01/2015
Số dư tại 01/01	1,068,697,596	1,098,263,414
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1,081,709,534	1,100,000,000
Tăng khác	32,473,000	25,280,500
Chi phúc lợi	(997,135,091)	(1,009,673,000)
Số dư cuối kỳ	1,185,745,039	1,213,870,914
17. Dự phòng phải trả ngắn hạn - Dự phòng trợ cấp mất việc làm	30/09/2015	01/01/2015
<u>Số dư tại 01/01</u>		
Số trích trong kỳ	3,780,772,065	2,173,363,291
Số chi trong kỳ	(3,780,772,065)	(2,019,780,758)
Số dư cuối kỳ	-	153,582,533
18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/09/2015	01/01/2015
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	136,143,750,000	136,143,750,000
- Vốn góp của CTCP Dệt Vải Phong Phú	2,401,080,000	2,401,080,000
- Cổ phiếu quỹ	10,000,000,000	10,000,000,000
- Vốn góp của đối tượng khác	36,455,170,000	36,455,170,000
Cộng	185,000,000,000	185,000,000,000
18.2. Các quỹ của doanh nghiệp	30/09/2015	01/01/2015
- Quỹ đầu tư phát triển	22,015,663,659	22,015,663,659
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Thặng dư vốn cổ phần	2,030,000,000	
- Cổ phiếu Quỹ		(11,015,000,000)
Cộng	24,045,663,659	11,000,663,659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13.3 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	185,000,000,000	11,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	-	48,258,897,548	1,290,910,268	235,550,271,475
- Tăng vốn trong năm trước								-
- Lợi nhuận trong năm trước	-					17,707,360,695	(237,371,814)	17,469,989,081
- Tăng khác	-					-		-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2,107,653,725)		(2,107,653,725)
- Thuởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát						(1,081,000,000)		(1,081,000,000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển		10,000,000,000				(10,000,000,000)		-
- Chia cổ tức 2013						(28,000,000,000)		(28,000,000,000)
Số dư cuối năm trước	185,000,000,000	21,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	-	24,777,404,518	1,053,538,554	221,831,606,831
Lãi Q4/2014						9,700,104,090	(87,396,384)	9,612,707,706
Phân loại lại theo thông tư 200/2014/TT-BTC		41,626,759	(41,626,759)					
Số dư đầu năm nay	185,000,000,000	22,015,663,659	-	(11,015,000,000)	-	34,477,508,608	966,142,270	231,444,314,537
- Tăng vốn trong năm nay					-			-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-				27,890,162,111	(327,486,428)	27,562,675,683
- Tăng khác					-			-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2,163,419,067)		(2,163,419,067)
- Thuởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát						(278,000,000)		(278,000,000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển						-		-
- Chia cổ tức 2014						(29,000,000,000)		(29,000,000,000)
- Bán cổ phiếu quỹ				11,015,000,000	2,030,000,000			13,045,000,000
- Giảm khác	-		-	-	-	-		-
Số dư cuối năm nay	185,000,000,000	22,015,663,659	-	-	2,030,000,000	30,326,251,652	638,655,842	240,010,571,153

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

19. Cổ phiếu	30/09/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,500,000	18,500,000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	13,614,375	13,614,375
+ Cổ phiếu CTCP Dệt Vải Phong Phú	24,108	24,108
+ Cổ phiếu Quỹ	1,000,000	1,000,000
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	3,861,517	3,861,517
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cộng	18,500,000	18,500,000
21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:	30/09/2015	01/01/2015
21.1 Tài sản thuê ngoài	319,602,531,000	319,602,531,000
21.2 Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	69,948	26,330
- Euro (EUR)	3	3
21.3 Nợ khó đòi đã xử lý	439,817,834	260,102,847
- Công ty TNHH TMDV Nam Phúc	122,968,739	122,968,739
- Ông Phan Thế Thông	137,134,108	137,134,108
- Ông Lê Trung Hải	179,714,987	

* Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ

CỔ Đ
NI
X.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km14+7 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20.1 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
+ Số dư đầu kỳ	78,836,852,936	470,485,809,865	13,943,748,203	2,588,993,377		565,855,404,381
+ Tăng trong kỳ	6,239,590,869	12,007,126,493	674,636,000	-	-	18,921,353,362
- Mua trong kỳ	891,000,000	11,419,200,000	543,636,000	-	-	12,853,836,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5,348,590,869	587,926,493	131,000,000	-	-	6,067,517,362
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	34,861,966,977	-	-	-	34,861,966,977
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán	-	34,861,966,977				34,861,966,977
- Giảm khác			-			-
+ Số dư cuối kỳ	85,076,443,805	447,630,969,381	14,618,384,203	2,588,993,377	-	549,914,790,766
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ	45,253,507,430	374,370,386,005	8,430,825,337	1,616,011,573	-	429,670,830,345
+ Tăng trong kỳ	2,980,195,064	14,620,084,344	716,176,014	202,698,573	-	18,519,153,995
- Khấu hao trong kỳ	2,980,195,064	14,620,084,344	716,176,014	202,698,573	-	18,519,153,995
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	34,435,120,640	-	120,000,000	-	34,555,120,640
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán		34,435,120,640		120,000,000		34,555,120,640
- Giảm khác		-	-	-	-	-
+ Số dư cuối kỳ	48,233,802,494	354,555,349,709	9,147,001,351	1,698,710,146	-	413,634,863,700
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	33,583,245,506	96,115,423,860	5,512,922,866	972,981,804	-	136,184,574,036
- Tại ngày cuối kỳ	36,842,641,311	93,075,619,672	5,471,382,852	890,283,231	-	136,279,927,066

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20.2 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
+ Số dư đầu kỳ		5,542,560,188	-	-	-	5,542,560,188
+ Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ		-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
- Giảm khác						-
+ Số dư cuối kỳ	-	5,542,560,188	-	-	-	5,542,560,188
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ		338,712,024	-	-	-	338,712,024
+ Tăng trong kỳ	-	277,128,018	-	-	-	277,128,018
- Khấu hao trong kỳ		277,128,018				277,128,018
+ Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
- Giảm khác						-
+ Số dư cuối kỳ	-	615,840,042	-	-	-	615,840,042
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ	-	5,203,848,164	-	-	-	5,203,848,164
- Tại ngày cuối kỳ	-	4,926,720,146	-	-	-	4,926,720,146

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	9 tháng đầu 2015	9 tháng đầu 2014
1. Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	641,913,088,500	919,823,638,578
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	260,153,181,587	33,128,147,087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66,919,059,888	21,211,253,079
Cộng	968,985,329,975	974,163,038,744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán - thành phẩm	31,623,505	22,852,800
Hàng bán bị trả lại		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3. Doanh thu thuần	968,953,706,470	974,140,185,944
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	641,881,464,995	919,800,785,778
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	260,153,181,587	33,128,147,087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66,919,059,888	21,211,253,079
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm	583,018,399,908	862,059,167,525
Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi	254,111,075,067	30,584,024,025
Giá vốn cung cấp dịch vụ	62,209,175,238	10,828,267,200
Cộng	899,338,650,213	903,471,458,750
Lợi nhuận gộp	69,615,056,257	70,668,727,194
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3,072,475,906	278,775,319
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,400,000,000	2,966,498,400
Lãi từ giao dịch mua bán cổ phiếu		1,958,625,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,360,526,184	1,449,633,626
Doanh thu tài chính khác		10,300,000
Cộng	5,833,002,090	6,663,832,345

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	9 tháng đầu 2015	9 tháng đầu 2014
6. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	10,928,364,988	22,013,354,268
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	3,601,773,720	2,565,647,130
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3,803,093,720)	848,987,280
Lỗ chênh lệch tỷ giá	253,763,383	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3,395,423,060	(1,596,543,280)
Chi phí tài chính khác	1,963,898	1,638,491
Cộng	14,378,201,329	23,833,083,889
	9 tháng đầu 2015	9 tháng đầu 2014
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	1,595,928,168	2,212,067,290
Chi phí khấu hao TSCĐ	11,549,997	-
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	169,638,921	24,555,260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,198,155,064	3,697,639,277
Chi phí khác	1,137,280,118	633,671,393
Cộng	7,112,552,268	6,567,933,220
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	13,654,005,274	12,072,104,696
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	498,695,317	499,271,652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	713,975,132	675,731,824
Thuế phí và lệ phí	1,158,689,489	1,712,191,058
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	29,690,700	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,076,518,869	517,491,468
Chi phí khác	5,095,500,744	10,397,220,420
Cộng	22,227,075,525	25,874,011,118
9. Thu nhập khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	2,847,225,498	320,019,985,545
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	(306,845,438)	(319,528,028,086)
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	2,540,380,060	491,957,459
Các khoản thu nhập khác	38,713,935	3,818,023
Cộng	2,579,093,995	495,775,482
10. Chi phí khác		
Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính	63,300,378	1,549,510
Các khoản chi phí khác	3,364,713	9,982,955
Cộng	66,665,091	11,532,465

